

INTAKE FORM (TWO COPIES)
MẪU ĐƠN VẾ LỊCH

NAME (TÊN TỰ NHÂN): NGUYỄN - THẾ - NHIỆM
LAST (TÊN HỌ) - MIDDLE (GIỮA) - FIRST (TÊN GỌI)
DATE, PLACE OF BIRTH: 08 - 16 - 1931 VĨNH - PHÚC - YÊN
MONTH (THÁNG) - DAY (NGÀY) - YEAR (NĂM) PLACE OF BIRTH (NƠI SINH)

SEX (NAM HAY NỮ): MALE (NAM): X FEMALE (NỮ):

MARITAL STATUS: SINGLE (ĐỘC THÂN): MARRIED (CÓ LẬP GIA ĐÌNH): CÓ VỢ + 07 CON.
(TÌNH TRẠNG GIA ĐÌNH)

ADDRESS IN VIETNAM: LÔ G-121, TẬP ĐOÀN G, ẤP 2, XÃ PHÚ HÒA, HUYỆN TÂN PHÚ,
(ĐỊA CHỈ TẠI VIỆT NAM) TỈNH ĐỒNG NAI.

POLITICAL PRISONER (CÓ LÀ TỰ NHÂN TẠI VIỆT NAM KHÔNG): YES (CÓ): X NO (KHÔNG):

IF YES (NEU CÓ): FROM (TỪ): 06-19-1975 TO (ĐẾN): 01-10-1981 (PUT IN THE CAMP)
MO. - DAY - YEAR MO. - DAY - YEAR 5 YEARS 6 MONTHS 21 DAYS

FROM (TỪ): 01-10-1981 TO (ĐẾN): 12-19-1984 (CONFINED AT HOME)
MO. - DAY - YEAR MO. - DAY - YEAR 3 YEARS 11 MONTHS 9 DAYS

PLACE OF RE-EDUCATION CAMP: TRẠI TÂN-HIỆP (SUỐI MÁU) - ĐỒNG NAI.
(TRẠI TỰ)

PROFESSION (NGHỀ NGHIỆP): LÀM RUỘNG + RÂY, LÀM MƯƠN.

EDUCATION IN U.S. (DU HỌC TẠI MỸ): KHÔNG

V.N. ARMY (QUÂN ĐỘI VN) RANK (CẤP ĐẶC): THIẾU TÁ HIỆN DỊCH, SỞ QUÂN (S.N.): 51/307.440,
TRƯỞNG ĐƠN 3 (HÀNH QUÂN + HUẤN LUYỆN) KIỂM TRƯỞNG TRUNG TÂM HÀNH QUÂN & PHÒNG THỦ
HỒN-HỢP/YẾU KHU TÂN SƠN NHẤT (JDOC - JOINT DEFENSE & OPERATION CENTER / TÂN SƠN
NHẤT SENSITIVE AREA). TỪ: 08-1966 ĐẾN: 01-1973.

V.N. GOVERNMENT (TRONG CHÍNH PHỦ VN.) POSITION (CHỨC VỤ):
DATE

APPLICATION FOR ODP (ĐÃ CÔNÁP ĐƠN CHO ODP): YES (CÓ): X NO (KHÔNG):

IV. NUMBER (SỐ HỒ SƠ): 207192 ODP-10
(CHỌN: 6/85)

LOI: CHƯA CÓ.

NUMBER OF DEPENDANTS ACCOMPANYING (SỐ NGƯỜI ĐI THEO): 07 (BẢY NGƯỜI)
(TÊN THÂN NHÂN THEO TUNG. XIN GHI BÊN SAU VỚI ĐÂY ĐU' CHỈ TIẾT)

MAILING ADDRESS IN V.N (ĐỊA CHỈ LIÊN LẠC TẠI VN): LÔ G-121, TẬP ĐOÀN G, ẤP 2, XÃ PHÚ
HÒA, HUYỆN TÂN PHÚ, TỈNH ĐỒNG NAI.

NAME & ADDRESS OF SPOROR/RELATIVE (TÊN VÀ ĐỊA CHỈ THÂN NHÂN HAY NGƯỜI BẢO TRỢ):

(DAUGHTER) MRS. NGUYỄN-THỊ-HỒNG.
CON GÁI

(SISTER) MRS. NGUYỄN-THỊ-TÍNH.
EM GÁI

U.S. CITIZEN (QUỐC TỊCH HOA KỲ): YES (CÓ): X NO (KHÔNG):

RELATIONSHIP WITH PRISONER (LIÊN HỆ VỚI TỰ NHÂN TẠI VN): CON GÁI

NAME & SIGNATURE : NGUYỄN - THÊ - NHIÊM (LAST - MIDDLE - FIRST) NHIÊM (CHỮ KÝ KÊ TỰ SAU 30 THÁNG 1975)

ADDRESS & TELEPHONE OF INFORMANT : LÔ G 121, TẬP ĐOÀN 6, KHU 2, XÃ PHÚ-HÒA,
(TÊN, CHỖ KÝ, ĐỊA CHỈ VÀ ĐIỆN THOẠI CỦA NGƯỜI ĐIỀN ĐƠN NÀY.) HUYỆN TÂN PHÚ, TỈNH ĐỒNG NAI.

DATE (NGÀY, THÁNG, NĂM) : 11 21 1989
MONTH (THÁNG) DAY (NGÀY) YEAR (NĂM)

NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (P.A.) : NGUYỄN - THÊ - NHIÊM
(LISTED ON PAGE 1)

NAME OF DEPENDANT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH MO. / DAY / YEAR	RELATIONSHIP TO P.A.
1. <u>NGUYỄN - THỊ - CHÍNH</u> (LAST - MIDDLE - FIRST)	<u>10 / 12 / 1931</u>	<u>VỢ</u>
2. <u>NGUYỄN - TOÀN - CHÍ</u> (LAST - MIDDLE - FIRST)	<u>05 / 30 / 1958</u>	<u>CON TRAI (ĐỘC THÂN)</u>
3. <u>NGUYỄN - THỊ - ANH NGUYỆT</u> (LAST - MIDDLE - FIRST)	<u>10 / 30 / 1961</u>	<u>CON GÁI (- -)</u>
4. <u>NGUYỄN - VIỆT - LONG</u> (LAST - MIDDLE - FIRST)	<u>03 / 30 / 1964</u>	<u>CON TRAI (- -)</u>
5. <u>NGUYỄN - NAM - THANH</u> (LAST - MIDDLE - FIRST)	<u>11 / 25 / 1965</u>	<u>CON TRAI (- -)</u>
6. <u>NGUYỄN - QUỐC - DÂN</u> (LAST - MIDDLE - FIRST)	<u>12 / 26 / 1967</u>	<u>CON TRAI (- -)</u>
7. <u>NGUYỄN - THỊ - LAN ANH</u> (LAST - MIDDLE - FIRST)	<u>09 / 02 / 1969</u>	<u>CON GÁI (- -)</u>

DEPENDANT'S ADDRESS (IF DIFFERENT FROM ABOVE) : KHÔNG

ADDITIONAL INFORMATION:

A) QUÁ TRÌNH QUÂN NGƯỜI :

- Nhập ngũ: 15 tháng 08-1954. - Tập nghiệp: Sĩ quan Biệt Động Quân (Ranger). - Chuyển liên tiếp: Đại đội trưởng, Tiểu đoàn Phó Biệt Động Quân. - Bị thương tại trận (WIA) ngày 18-5-1966. Sau một tháng điều trị tại Phòng y viện Công Hoà, kết quả mất trái bả mìn. - Tiếp tục phục vụ trong quân đội: Từ tháng 08-1966 đến tháng 1-1973 tại BCH/Yếu khu Eán Sơn Nhất (TSN Sensitive Area). - Từ tháng 01-1973, mất trái bom trỏ lại; tái khám và lập thủ tục giải ngũ tại Trung Tâm Quân Y Trung ương, kết quả khám định y khoa và được giải ngũ: "Miễn dịch vĩnh viễn I, cấp độ vĩnh viễn 057. Có cấp dưỡng kể từ ngày 15-02-1974" (do Nghị định số 018/QP/ND ngày 09-01-1974 của Tổng Trưởng Bộ Quốc Phòng).

B) CHỨNG THƯ ĐI NHẬP KÊM:

- Phòng An ninh: Tường Trình Mỹ Khúc số 1645 ngày 30-07-1973.
- " " : Phiếu kiểm soát số 13258 ngày 25-3-1973.
- " " : Chứng chỉ Giải Ngộ số 008786 ngày 10-8-1974.
- " " : Giấy Ra Trái số 2030/LBT ngày 10-01-1981.
- " " : Quyết định số 100/QĐ-KPQCD ngày 19-12-1984.
- " " : Giấy biên Nhận số 1441/BN ngày 29-11-1989 / Công An Đồng Nai đã nhận đủ hồ sơ của tôi, xin đứng ký xuất cảnh đi Mỹ theo diện Học Tập Cải Tạo Đẻ Con (HTCTĐT), mà từ tháng 10-1989 được gọi là H.O. (do Chính Phủ Hoa Kỳ ký Hiệp ước với Chính Phủ Hà Nội) ngày 30-07-1989 tại Hà Nội).
- Tài liệu căn cứ theo (y như Báo Hội Đường Hội Lữ TNCT Việt Nam nêu rõ trong bản thư mà Báo Hội Đường đã trả lời và lưu ý cũng như trích lời "Giờ VỮNG NIỀM TIN" che chúng tôi là Tư Nhân Chính Trị VN.
- Thư của con tôi xin cấp cấp IV #. - Phòng An ninh IV #. - Thư của con tôi xin cấp cấp LOT.
- Giấy khai sinh và gia đình liên hệ của từng người trong gia đình tôi. - Phòng An ninh Căn cứ, chứng minh ND, Biên Nhân CMND của mỗi người trong gia đình tôi. - Phòng An ninh Sở chứng nhận H.O. Khẩu. - Hình (sân) của một người trong gia đình tôi. - Phòng An ninh "Questionnaire for ODP Applicants" ngày 15-08-1985.

INTAKE FORM (TWO COPIES)

MẪU ĐƠN VỀ LÝ LỊCH

NAME (TÊN TÙ NHÂN) : NGUYỄN - THẾ - NHIỆM
LAST (TÊN HỌ) - MIDDLE (GIỮA) - FIRST (TÊN GỌI)

DATE, PLACE OF BIRTH : 08 - 16 - 1931 | VĨNH-ĐỨC-YÊN
(NĂM, NƠI SINH) MONTH (THÁNG) - DAY (NGÀY) - YEAR (NĂM) PLACE OF BIRTH (NƠI SINH)

SEX (NAM HAY NỮ) : MALE (NAM) : X FEMALE (NỮ) : _____

MARITAL STATUS : SINGLE (ĐỘC THÂN) : _____ MARRIED (CÓ LẬP GIA ĐÌNH) : CÓ VỢ + 07 CON
(TÌNH TRẠNG GIA ĐÌNH)

ADDRESS IN VIETNAM : LÔ G 121, TẬP ĐOÀN 6, ẤP 2, XÃ PHÚ-HÒA, HUYỆN TÂN-PHÚ,
(ĐỊA CHỈ TẠI VIỆT NAM) TỈNH ĐỒNG-NAI

POLITICAL PRISONER (CÓ LÀ TÙ NHÂN TẠI VIỆT-NAM KHÔNG) : YES (CÓ) : X NO (KHÔNG) : _____

IF YES (NẾU CÓ) : FROM (TỪ) : 06-19-1975 TO (ĐẾN) : 01-10-1981 (PUT IN THE CAMP)
MO. - DAY - YEAR MO. - DAY - YEAR

FROM (TỪ) : 01-10-1981 TO (ĐẾN) : 12-19-1984 (CONFINED AT HOME)
MO. - DAY - YEAR MO. - DAY - YEAR
3 years 6 months 21 days 3 years 11 months 9 days

PLACE OF RE-EDUCATION CAMP : TRẠI TÂN-HIỆP (SUỐI MÁU) - ĐỒNG-NAI
(TRẠI TỬ)

PROFESSION (NGHỀ NGHIỆP) : LÀM RUỘNG + RÂY, LÀM MƯỜN

EDUCATION IN U.S. (DU HỌC TẠI MỸ) : KHÔNG

V.N. ARMY (QUÂN ĐỘI V.N.) RANK (CẤP BẬC) : THIỆU-TÁ HIỆNDỊCH, SỐ QUÂN (S.N.) 51/307.440

TRƯỞNG ĐƠN 3 (HÀNH QUÂN + HUẤN LUYỆN) KIỂM TRƯỞNG TRUNG TÂM HÀNH QUÂN & PHÒNG THỦ

HỒN HỢP / YẾU-KHU TÂN SỬN NHẤT (JDOC - JOINT DEFENSE & OPERATION CENTER / TÂN SỬN

NHẤT SENSITIVE AREA). TỪ : 08-1966 ĐẾN : 09-1973

V.N. GOVERNMENT (TRONG CHÍNH PHỦ V.N.) POSITION (CHỨC VỤ) : _____

DATE

APPLICATION FOR ODP (ĐÃ CÓ NẠP ĐƠN CHO ODP) : YES (CÓ) : X NO (KHÔNG) : _____

IV NUMBER (SỐ HỒ SƠ) : 207192 ODP-10
(0409f-6/85)

LỜI : CHƯA CÓ

NUMBER OF DEPENDANTS ACCOMPANYING (SỐ NGƯỜI ĐI THEO) : 07 (BẢY NGƯỜI)
(TÊN THÂN NHÂN THẤP TUNG - XIN GHI BÊN SAU VỚI ĐẦY ĐỦ CHI TIẾT)

MAILING ADDRESS IN V.N (ĐỊA CHỈ LIÊN LẠC TẠI V.N) : LÔ G 121, TẬP ĐOÀN 6, ẤP 2, XÃ PHÚ-
HÒA, HUYỆN TÂN-PHÚ, TỈNH ĐỒNG-NAI

NAME & ADDRESS OF SPONSOR / RELATIVE (TÊN VÀ ĐỊA CHỈ THÂN NHÂN HAY NGƯỜI BẢO TRỢ) :

(DAUGHTER) MRS. NGUYỄN-THỊ-HỒNG
CON GÁI

(SISTER) MRS. NGUYỄN-THỊ-TÌNH
EM GÁI

U.S. CITIZEN (QUỐC TỊCH HOA KỲ) : YES (CÓ) : X NO (KHÔNG) : _____

RELATIONSHIP WITH PRISONER (LIÊN HỆ VỚI TÙ NHÂN TẠI VN) : Con gái

NAME & SIGNATURE: NGUYỄN-THÊ-NHIÊM
(LAST - MIDDLE - FIRST)

NHIÊM (CHỮ KÝ KÊ TỜ
SỐ 30 THÁNG 4-1975)

ADDRESS & TELEPHONE OF INFORMANT: LÔ G-121, TẬP ĐẠM G, ẤP 2, XÃ PHU HÒA,
(TÊN, CHỖ KÝ, ĐỊA CHỈ VÀ ĐIỆN THOẠI CỦA NGƯỜI
ĐIỀN ĐƠN NÀY) HUYỆN TÂN PHÚ, TỈNH ĐỒNG NAI.

DATE (NGÀY, THÁNG, NĂM): 11 21 1989
MONTH (THÁNG) DAY (NGÀY) YEAR (NĂM)

NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (P.A.): NGUYỄN-THÊ-NHIÊM
(LISTED ON PAGE 1)

NAME OF DEPENDANT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH MO. / DAY / YEAR	RELATIONSHIP TO P.A.
1. <u>NGUYỄN-THỊ-CHÍNH</u> (LAST - MIDDLE - FIRST)	<u>10 / 12 / 1931</u>	<u>Vợ</u>
2. <u>NGUYỄN-TOÀN-CHÍ</u> (LAST - MIDDLE - FIRST)	<u>05 / 30 / 1958</u>	<u>CON TRAI (ĐỘC THÂN)</u>
3. <u>NGUYỄN-THỊ-ANH NGUYỄN</u> (LAST - MIDDLE - FIRST)	<u>10 / 30 / 1961</u>	<u>CON GÁI (- -)</u>
4. <u>NGUYỄN-VIỆT-LONG</u> (LAST - MIDDLE - FIRST)	<u>03 / 30 / 1964</u>	<u>CON TRAI (- -)</u>
5. <u>NGUYỄN-NAM-THÀNH</u> (LAST - MIDDLE - FIRST)	<u>11 / 25 / 1965</u>	<u>CON TRAI (- -)</u>
6. <u>NGUYỄN-QUỐC-DÂN</u> (LAST - MIDDLE - FIRST)	<u>12 / 26 / 1967</u>	<u>CON TRAI (- -)</u>
7. <u>NGUYỄN-THỊ-LAN ANH</u> (LAST - MIDDLE - FIRST)	<u>09 / 02 / 1969</u>	<u>CON GÁI (- -)</u>

DEPENDANT'S ADDRESS (IF DIFFERENT FROM ABOVE): KHÔNG

ADDITIONAL INFORMATION:

A) QUÁ TRÌNH QUÂN SỰ:

- Nhập ngũ: 15 tháng 08-1954. - Chức nghiệp: Sĩ Quan Biệt Động Quân (Ranger). - Chức vụ liên tiếp: Đại đội trưởng, Tiểu đoàn phó Biệt Động Quân. - Bị thương tại trận ngày 18-5-1966. - Sau một tháng điều trị tại Trung Y Viện Công Hòa, kết quả mất trái bả mìn. - Tiếp tục phục vụ trong quân đội: Từ tháng 8-1966 đến tháng 1-1973 tại Bộ/Yêu Khẩu Fân Sơn Nhất. - Từ tháng 01-1973, mất trái mìn tại bãi, tại khu vực lập thủ tục giải ngũ tại Trung Tâm Quân Y Quảng Long, kết quả khám định y khoa và được giải ngũ: "miễn dịch viêm virus I, cấp độ vĩnh viễn 65% có cấp dưỡng kể từ ngày 15-02-1974" (do Nghị Định số 018/NĐ-VP/NĐ ngày 09-01-1974 của Tổng Trưởng Bộ Quốc Phòng).

B) CHỨNG THỰC ĐƠN KÉM:

- Phòng Anh: Tờ trình sự khước số 16/HS ngày 30-07-1973.
- "st": Phiếu kiểm soát số 13458 ngày 15-3-1973.
- "st": Chứng chỉ giải ngũ số 00876 ngày 10-8-1974.
- "st": Giấy Ra Đi số 2030/GAT ngày 12-01-1981.
- "st": Quyết định số 100/ĐH-KĐCĐ ngày 19-12-1984.
- "st": Giấy'Brien Nhân số 1411/BN ngày 29-11-1988. Vì Cơ quan Đồng Núi đã nhận đủ hồ sơ của tôi xin đăng ký xuất cảnh đi Mỹ theo diện Hoi Fap Cai Tai diuoc tha (HTCTĐT), mà kể từ tháng 10-1989 được gọi là H.O. (do Chính Phủ Hoa Kỳ ký Hiệp ước với Chính phủ Hà Nội ngày 30-07-1989 tại Hà Nội).
- Tài liệu căn bản tôi (y như Bộ Hồ Sơ Đảng Hội GDTNCT Việt Nam nêu nơi trang sau thư nã Bả Hoi-Trường đã trả lời và bằng chứng như khinh lễ "Gửi Vở ĐỒ MẸM TÍN" cho chúng tôi từ Tân Nhân Chính Trị VN.
- Thư của con tôi xin GDP cấp IV*. - Phòng Anh IV*. - Thư của con tôi xin GDP cấp LOI.
- Giấy khai sinh và gia đình liên hệ với từng người trong gia đình tôi. - Phòng Anh Cần Thơ, Chứng minh ND, Biện pháp CMND của mỗi người trong gia đình tôi. - Phòng Anh Sĩ Quan Nhân Hồ Khẩu. - Hình (1 tấm) của mỗi người trong gia đình tôi. - Phòng Anh "Questionnaire for GDP Applicants" ngày 15-08-1985.

ĐO NOI VU
TRAI TAN HIEP
Số: 2030 / CRT

CÔNG HOA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc.

GIẤY RA TRAI.

Theo thông tư số 916-BQ/TT ngày 31/5/1961 của ĐO NOI VU:

Thi hành án văn, quyết định của số: 176 ngày 22 tháng 12 năm 1960

Của: ĐO NOI VU

Nay cấp giấy tha cho anh có tên sau đây:

Họ tên khai sinh: NGUYỄN THẮ NHƯƠN

Sinh năm: 1931

Nơi sinh: Hà Nội

Nơi cư trú trước khi bị bắt:

383A/10 Phan Văn Trị, bình yên - thành phố HỒ CHÍ MINH.

Cán tội: thiếu tá tướng Đại đoàn lữ

Bị bắt ngày 19 tháng 6 năm 1974 Ấn phạt: 100%

Nay về cư trú tại:

Tổ 4 ấp 3, khu kinh tế mới tây nam đồng bằng, xã phú hòa, Tân phú - Đồng Nai



ĐIỂM XÉT QUA TRÌNH CẢI TẠO.

(quản chế 12 tháng)

Lần tay ngón trỏ phải

Họ tên chữ ký

Ngày 10 tháng 1 năm 1981

Của: Nguyễn Thắc Nhữ

Nơi sự cấp

Chức vụ,

Định mức số: 001-20

Lập tại: Tân Hiệp

SAO Y BAN CHÍNH

BIÊN HÓA Ngày 11/11/1981

ĐANG CHỨNG VIÊN

CÔNG CHỨC

NHÀ KINH

Nguyễn Văn Lưu

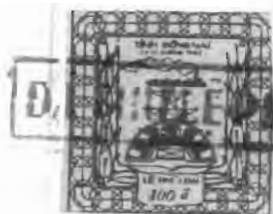
THANH NGỌC DƯƠNG

QUYỀN SỐ 01

LƯU TRẠNG 21

SỐ THỦ TỰ 16

THU LỆ PHÍ 10



CÔNG AN ĐỒNG NAI

P. Q.L.N.N. và XNC

Số 1411 / BN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY BIÊN NHẬN

Ông, Bà Nguyễn Thái Ninh sinh năm 1930

Địa chỉ Lô 121 ấp Tân B. ấp 9

Xã phước hòa Huyện Tân Phú

Có cấp thủ tục hồ sơ xin đăng ký xuất cảnh.

Số người 8

Đi Mỹ đến HT CT-AT

SÀO Y BẢN CHÍNH

BIÊN HÒA NGÀY 17 tháng 11 năm 1985

DỒNG CHỨNG VIÊN

CÔNG AN ĐỒNG NAI

P. Q.L.N.N. và X.N.C.

Người nhận hồ sơ

QUYỀN SỞ

LƯU TRẠNG

SỐ THƯ TỰ

CHỖ ĐÓNG



Hàng Anh Liên



Phu-Hoa ngày 21-11-1989

Kính gửi: Bà Khúc Minh Châu

Hội Trưởng Hội Gia Đình Cựu Nhân Chính Trị V.N

P.O. Box 5435 ARLINGTON, VA 22205-0635

U.S.A

Chưa Bà,
Gia đình chúng tôi nơi riêng - nơi chung cho tất cả gia đình
Cựu Nhân Chính Trị Việt Nam - trên trang kính gửi đến Bà
và Hội lời KÍNH CHÚC MỪNG GIẢNG SINH VÀ NĂM MỚI 1990
ĐƯỢC VĂN PHÚC VÀ THẠNH LỢI TO LỚN TRON ĐỒNG CẦU, SAU NĂM
1989 LÀ NĂM CỦA ĐỒNG TÂM.

Chưa Bà,
Chúng tôi muốn nhắc và gửi đến Bà về cảm nghĩ của chúng
tôi ở bên nhà, khi nghe giờ phát thanh Công Đồng Người Việt
của đài V.O.A vào buổi sáng Chủ nhật trung tuần tháng 08-1989
tổng thuật buổi CỜM ĐỒNG TÂM do Bà và Hội tổ chức.

Ồ! lời nói được ghi âm của Bà là một lần giờ lên âm thanh
sâu trong cổ họng và bao cả không gian hiện hữu ngọt ngào.

Riêng cá nhân tôi đã:

- Khóc và khóc lóc, không khi và bởi cảnh buổi cờm đồng
tâm ngày 05-8-1989 dù cách xa trùng đường như đã như ở
trước mặt tôi, mà có chính cá nhân tôi chứng kiến.
- Cười và cười mãi mãi đến nỗi, vì tưởng lại cho những người như
chúng tôi (già, trẻ, con nít), nhất là cho bộ con tôi mà tôi
đã hi vọng nhận đời lúc là mình đã kèm hi vọng nặng lo
điều bạc. Cười phá tan mọi đến tôi đã bao bọc lấy tuổi
trẻ thơ, đã làm tuổi thơ phải nhìn nhìn mọi hăm hăm
thật là con người "hề" cả tình yêu chân thật phải có.
- Những năm trước của năm 1989 là năm của ĐỒNG Ý, năm 1989
là năm của ĐỒNG TÂM (hiện thực qua buổi CỜM ĐỒNG TÂM do Bà
và Hội đã tổ chức), và năm 1990 trở đi sẽ là năm của
ĐỒNG CẦU.

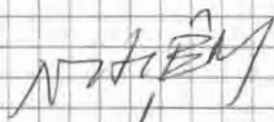
Kính nhờ Bà chuyển lời biết ơn về nghĩa cử mà quý Hội và
Quý Vị: Ông Lê Xuân Khoa

Ông Nguyễn Ngọc Bích

đã lên tiếng, đã hướng dẫn dư luận, đã tranh đấu cho đời sống
của đồng bào.

Chưa Bà,
Gia đình chúng tôi xin được Bà và Hội tiếp nhận hồ sơ đính
kèm và mong được Bà cứu xét và can thiệp cũng như giúp
đỡ cho tôi kết quả.

Kính thư.



Nguyễn Thế Nhiệm



NHIỆM



CHÍNH



CHỊ



NGUYỆT



LONG



THÀNH



ĐẦN



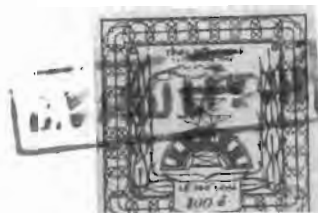
LAN ANH

SAO Y DÂN CHÍNH
BIÊN HÒA Ngày 17/11/1989
ÔNG CHỨNG VIÊN

QUYỀN SỐ: 01
LƯU TRẠNG: 018
SỐ THỦ TỰ: 12
THU LỘ PHI: JN



Phong Văn Lưu



Sở, Ty
Công an,
Đà Nẵng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY BIÊN NHẬN

Số 271036953

Họ tên Nguyễn Thị Xuân

Tên thường gọi Mít

Nơi thường trú Phúc Hòa, Cẩm Lệ, Đà Nẵng

Dấu vết riêng hoặc dị hình

Đã làm thủ tục xin cấp giấy chứng minh nhân dân

tại

Quận Hai

Hẹn đến ngày *1* / *1955* trả giấy CMND

Ngày *15* / *1955*

(Chỉ rõ họ, tên người ký)

KHAT CMND
SUC 13

Ngân trở trái

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA
THẺ CĂN-CƯỚC

Số 02058262



Họ Tên NGUYỄN-THỊ-CHÍNH

Ngày, nơi sinh 12-10-1931

Sắp-Mai Vĩnh-phúc-Yên

Nguyễn-thế-Lịch

Phan-thị-Như

Địa chỉ 463B/7A Lê-văn-Duyệt SG



Xác nhận
Sao y bản Chính
Pha hồi ngày 01.6.88
TM/Ban GA Xã
KT.TB

[Handwritten signature]

Vũ Văn Nghi

Đỗ Văn Bàng

Dấu vết riêng:

**Chân sọc c/1 trên đầu
mày phải**

Cao: 1 th 55

Nặng: 48 Kg

Chữ ký đương sự:

Chm

Saigon, ngày 21-06-1969

TUN. GIÁM ĐỐC CẢNH-SÁT QGĐT.
Pho Trưởng-Ty CSQG Quận Ba

[Signature]
ĐỖ-KIẾN-NÂU.

Ngón trỏ mặt



Ngón trỏ trái





CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

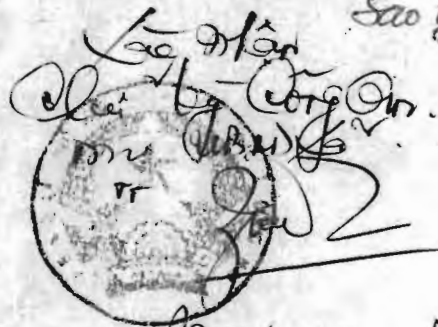
Số: **770258035**

Họ tên **NGUYỄN THỊ CHÍNH**

Sinh ngày **12-10-1931**

Nguyên quán **Hà Nội**

Nơi thường trú **Khu 3, Phú hòa
Tân phú, Đồng nai.**



Xác nhận

Sao y bản chính

Phủ Hòa ngày 01/06/1988

T/M CA XH
KT. TB

[Handwritten signature]

[Handwritten signature]
Đoàn Xuân Bông

[Handwritten signature]

Dân tộc: Kinh .. Tôn giáo: Phật ..

DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DI HÌNH

Sẹo chấm C. 3cm trên
sau đầu lông mày phải

Ngày 28 tháng 03 năm 1980



NGÓN TRỎ TRÁI

NGÓN TRỎ PHẢI

SÀO Y BẢN CHÍNH

BIÊN HÒA NGÀY 11/1/1988

ÔNG CHỨNG VIÊN

QUYỀN SỞ

LƯU TRẠNG

SỐ HỮU TỰ

THU LỆ PHÍ

01

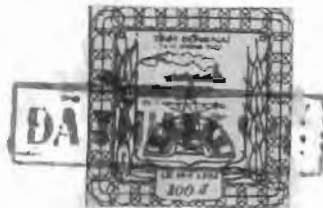
28

12

10



Nguyễn Văn Lâm



Sở, Ty

Công an

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY BIÊN NHẬN

271036710

Sở

Họ tên

Tên thường gọi

Nơi thường trú

Nguyễn Văn Chi

1958

T. h. Tân Tr.

Cộng An

Dấu vết riêng hoặc dị hình

Đã làm thủ tục xin cấp giấy chứng minh nhân dân
tại Xã Phú Hòa

Hẹn đến ngày 1 / 19 ... trả giấy CMND

Ngày 15 / 19 / 18

(Chỉ rõ họ, tên người ký)

ĐỒNG NAI

SỐ 13

Ngôn ngữ trái

SAO Y BẢN CHÍNH

BIÊN HÒA NGÀY 11/11/19

ĐỒNG CHỨNG VIÊN

QUYỀN SỞ

00

LƯU TRẠNG S

2/8

SỐ THỦ TỰ

11

THU LỆ PHI

11



Nguyễn Văn Lưu



Sở, Ty

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Công an

Đà Nẵng

GIẤY BIÊN NHẬN

Số 271039003

Họ tên Nguyễn Thị桂 Nguyệt

Tên thường gọi SN - 1/6

Nơi thường trú Trú nhà tại Trú

Đà Nẵng

Dấu vết riêng hoặc dị hình

Đã làm thủ tục xin cấp giấy chứng minh nhân dân

tại Xã Phú Hòa Tân Phú

Hẹn đến ngày 1 / ... / 19 ... trả giấy CMND

Ngón trỏ trái

Ngày 5 / 5 / 1958

(Ghi rõ họ, tên người ký)



SAO Y BẢN CHÍNH 80
BIÊN HÒA Ngày 12/11/1980
CÔNG CHỨNG VIÊN

QUYỀN SỐ: 04
LƯU TRẠNG SỐ: 818
SỐ THỦ TỤC: 11
THU LỆ PHÍ: 10



Nguyễn Văn Lưu



Sở, Ty

Công an

Sông Nai

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY BIÊN NHẬN

Số

270/253-844

Họ tên

Nguyễn Việt Lâm

Tên thường gọi

Số 154

Nơi thường trú

Tu Hoi - Tân Tr

Đội Nai

Dấu vết riêng hoặc dị hình

Đã làm thủ tục xin cấp giấy chứng minh nhân dân

tại Và Phú Hòa Tân Phú

Hẹn đến ngày 1 / 19 trả giấy CMND

Ngôn ngữ trái

Ngày 6-7-1958
TỔ CHỨC (Ghi rõ họ, tên người ký)
SƠ M

SAD Y BẮN CHÍNH
BIỆNH HOA Ngày 3/1/1965
ĐÔNG CHỨNG VIÊN



Phụ lục Văn Lưu

QUYỀN SỞ 04
LƯU TRẠNG S 218
SỐ THƯ TỰ 11
THU LỆ PHÍ 100



Sở, Ty

Cộng an

LTC NG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY BIẾN NHẬN

Số

276/53 S/H

Họ tên

NGUYỄN ĐOÀN ANH

Tên thường gọi

1965

Nơi thường trú

Ph. Hoa, Tân

Ph

100

Dấu vết riêng hoặc dị hình

Đã làm thủ tục xin cấp giấy chứng minh nhân dân

tại

Xã Phú Hòa Xuân Phú

Hẹn đến ngày 1 / 19 trả giấy CMND

Ngón trỏ trái

Ngày

1 / 5 / 19 58

(Ghi rõ số, tên người ký)

TỔ CẤP PHÁT CMND
SỐ 131



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số 270682434

Họ tên NGUYỄN QUỐC DÂN.

Sinh ngày 28-12-1967.

Nguyên quán Hà Nội.



Nơi thường trú Khu 2, Phú Hòa,
Tân Phú, Đông Nai.



Xác nhận
Sao y bản chính
phụ hồ sơ di - 88
+ m/ Ban CA X

Nguyen

Từ Văn Nghĩa

Đoàn Xương Bổng

Dân tộc: **kinh.**

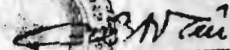
Tôn giáo: **Phật.**

DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DI HÌNH

Ser chấm C.3cm trên
trước đùi l^{ên}g này
phải.

Ngày 24 tháng 08 năm 1982.

GIAM ĐỐC HOẶC TRƯỞNG TY CÔNG AN



Nguyễn Hoàng Văn

NGON TRỎ TRÁI

NGON TRỎ PHẢI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: 27081396B

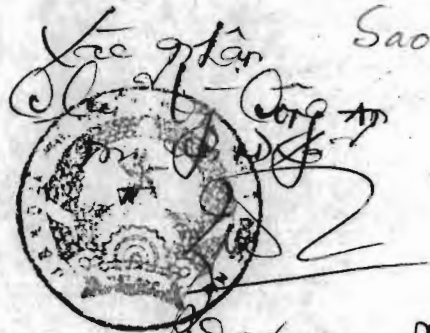
Họ tên: NGUYỄN THỊ LAN ANH

Sinh ngày: 02-09-1969.

Nguyên quán:

I. P. Hồ Chí Minh.

Nơi thường trú: Khu 2, Phú Hòa
Tân Phú, Đồng Nai.



Xác nhận

Sao y bản chính

TM/Ban CA xã

KT-TĐ

[Handwritten signature]

Từ Văn Nghĩa

[Handwritten signature]
Võ Xuân Bàng

Dân tộc: Kinh

Tôn giáo: Phật.



NGÓN TRỎ TRÁI

DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DI HÌNH

Sẹo tháng Dịch C.4c
trên sau mep phải.



NGÓN TRỎ PHẢI

Ngày... tháng... năm 1985

GIÁM ĐỐC HOẶC TRƯỞNG TÝ CÔNG AN



Giám Đốc

D.10

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

BỘ QUỐC- PHÒNG

BỘ TỔNG THAM-MƯU

TRUNG-TÂM QUẢN-TRỊ TRUNG-ƯƠNG

PHIẾU KIỂM-SOÁT

QUÂN NHÂN CHỖ RA H.Đ. MIỄN-DỊCH

T.C. Pho 16095/CH/02.6.72.

Có giá trị đến 2.5.4.73.

KBC. 4204. 02. 25.3.73.



Nguyễn Văn Lữ
Cấp bậc Thiếu tá

Số quân 51/307 H40

Đơn-vị cũ Yêu Khuân Cầu Lộ

Địa-phủ nghỉ phép 462 B/74 Lê

Văn Suýt Saigon



Dấu tay trở phải

Người viết thẻ H.1 Cai

Khai

10.71.ITALA.O.0002

Được gia hạn đến 25 Th.6. 1973

KBC. 4204, ngày 25 Th.5. 1973

Được gia hạn đến 25 Th.8. 1973

KBC. 4204, ngày 25 Th.7. 1973

Được gia hạn đến 25 Th.10. 1973

KBC. 4204, ngày 25 Th.9. 1973

Được gia hạn đến

KBC. 4204, ngày

Được gia hạn đến

KBC. 4204, ngày

Được gia hạn đến

KBC. 4204, ngày

Ghi nhớ cần thiết

Không được tẩy xóa, xé rời hoặc viết bậy lên sổ.
Luôn sửa đổi phải được sự chấp thuận của C.A. xã.

Luôn luôn giữ sổ sạch sẽ, cẩn thận.

Sổ được cấp một lần, trường hợp mất sổ phải báo
gay với Ban Công An Xã để kịp thời xử lý.

Chỉ có người chuyển đi hoặc đến, mới sinh hoặc
chết trong hộ, phải trình báo để đăng ký trong hạn
ngày.

Chỉ có người lạ đến tạm trú hoặc người trong hộ
vắng, phải đến trình báo để đăng ký trong thời
hạn 3 ngày.

Nhiệm vụ của Công An, tuyệt đối không
được chép vào sổ này.

BAN CÔNG AN XÃ PHÚ HÒA

ĐI DÂN TÍCH CỰC ĐÓNG GÓP ĐỂ XÂY DỰNG
AN NINH TỔ QUỐC PHÒNG VỮNG MẠNH

SỞ CÔNG AN TỈNH ĐỒNG NAI

CÔNG AN HUYỆN TÂN PHÚ

BAN CÔNG AN XÃ PHÚ HÒA

Số: 44 /ĐKITHI/CA

—★—

SỔ CHỨNG NHẬN HỘ KHẨU

(DÙNG CHO HỘ NÔNG THÔN)

Họ và tên chủ hộ: NGUYỄN THỊ CHÍNH

Số nhà: lô G121, tập đoàn 6

Ấp: 2

Số tập: _____ Từ số: _____

NHỮNG NHÂN KHẨU ĐĂNG KÝ THƯƠNG TRU TRONG HỘ

Số thứ tự	HỌ TÊN KHAI SINH và tên thường gọi	Quan hệ thế nào với chủ hộ	Ngày tháng năm sinh	Nam	Nữ	NƠI SINH	NGUYÊN QUÁN	Số chứng mệnh thư nhân dân	Dân tộc	Tôn giáo	Trình độ văn hóa	Tình trạng sức khỏe	NGHỀ NGHIỆP HIỆN NAY		CHUYỂN ĐẾN		CHUYỂN ĐI		GHI CHÚ
													Làm nghề gì	Nơi làm việc	Ở đâu đến	Ngày tháng năm đến	Đi đâu	Ngày tháng năm đi	
I	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
1	NGUYỄN-THỊ-CHÍNH	Chủ hộ	1931		X	Hà Nội	Hà Nội	270458085	Hàn	Phật	5/12	Yếu							
2	NGUYỄN-THẾ-NHIỆM	Con	1931	X		— nt —	— nt —	271036958	— " —	— " —	Đại học	Yếu			Đài TCT	10-3-81			TQCD năm 1984
3	NGUYỄN-TOÀN-CHÍ	Con	1958	X	N	Saigon	— nt —	271036710	— " —	— " —	12/12	Bình thường	Làm nông	TĐ 6, xã Phú Hòa	HTCT và	11-3-83			
4	NGUYỄN-THỊ							271039003	— " —	— " —	9/12	— " —							
	ANH-NGUYỄN	— " —	1981		X	— nt —	— nt —	271039003	— " —	— " —	8/12	— " —							
5	NGUYỄN-VIỆT-LONG	— " —	1964	X		— nt —	— nt —	270452844	— " —	— " —	8/12	— " —							
6	NGUYỄN-NAM-THANH	— " —	1965	X		— nt —	— nt —	270452845	— " —	— " —	5/12	— " —							
7	NGUYỄN-QUỐC-DÂN	— " —	1967	X		— nt —	— nt —	270813434	— " —	— " —	5/12	— " —							
8	NGUYỄN-THỊ																		
	LAN-ANH	— " —	1969		X	— nt —	— nt —	270813968	— " —	— " —									

SAO Y BẢN CHÍNH

11/19

11/19

11/19

11/19

11/19

11/19

11/19

11/19

11/19

11/19

11/19

11/19

11/19

Tổng số nhân khẩu: 08 (Tám)
 Từ 15 tuổi trở lên: 08 (Tám)
 NAM: 05 (Năm)
 NỮ: 03 (Ba)

Chủ hộ ký tên hoặc điền chỉ
 Phú Hòa ngày 19 tháng 11 năm 1988
 Ủy Ban Nhân Dân Xã
 Nguyễn Thị Chính

Phú Hòa, ngày 18 tháng 11 năm 1988
 Ban Công An Xã Phú Hòa

Phú Hòa, ngày — tháng — năm 19 —
 Công An Khu Vực



UBND TỈNH ĐỒNG NAI
UBND HUYỆN TÂN PHÚ
Số. 100 / QĐ-KPQCD

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
-----oOo-----

QUYẾT ĐỊNH

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN - PHÚ

Căn cứ quyết định số 01/QĐ-BNV, ngày 10/03/1975 của Chính phủ, Cách mạng Lâm thời Cộng Hòa Miền Nam Việt Nam và sắc lệnh số 195 ngày 18/8/1953 của Chủ tịch Nước VNDCCH quy định về quyền hạn và nhiệm vụ của UBNDCM cấp Huyện.

Căn cứ chính sách 12 điểm của Chính phủ C/M lâm thời Cộng hòa miền nam Việt Nam đối với những người làm việc trong quân đội chính quyền và tổ chức chính trị phản động của chế độ cũ, theo văn bản ban hành số 02/CS/76, ngày 25/5 năm 1976.

Căn cứ đề nghị của Hội đồng xét duyệt của khối nội chính xã và được sự nhất trí của Hội đồng xét duyệt Huyện ngày 10 tháng 12 năm 1984.

Theo đề nghị của Ông Trưởng Công an Huyện Tân Phú và sau khi đã xem xét hành vi hoạt động, thái độ của đối tượng trong quá trình quản che.

QUYẾT ĐỊNH

Điều I: **Khôi phục quyền công dân cho anh chị:**
NGUYỄN THỊ NHIỆM, sinh ngày tháng năm 1931 Nay cư ngụ tại Phù Hoa - Tân Phú - Đồng Nai kể từ ngày ký quyết định này.

Điều II: Ông chính văn phòng UBND Huyện Tân Phú, Ông trưởng Công an Huyện Tân Phú và đương sự có tên **kể** trên chiếu theo trách nhiệm thi hành quyết định này.

SƠ Y BẢN CHÍNH

ĐIỀU HÒA NGÀY 12 / 12 / 1984

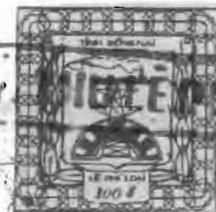
ĐỒNG PHUNG VIÊN

QUYẾT SỐ: Tân Phú, ngày 10 tháng 12 năm 1984

LƯU TRƯNG: TM. UBND HUYỆN TÂN PHÚ

SỐ THỦ TỰ: CHỦ TỊCH

THỦ LƯU PH



Nguyễn Văn Lưu



Embassy of the United States of America

Bangkok, Thailand

Reference: IV 207192

Dear Sir/Madam:

NGUYEN THE NHIEM (8)

We have received your approved immigrant visa petition(s) or your application for family reunification for your relatives in Vietnam and have opened a file for them. An IV file number has been assigned for quick reference purposes. All cases are filed by their IV number, and not by name. Please mark their IV number (five or six digits) on all documents and correspondence you send to us. Also, tell you relatives in Vietnam their five- or six-digit IV number and ask them to use it on the envelope and on any documents and correspondence they may send us.

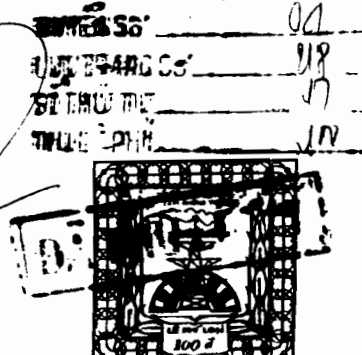
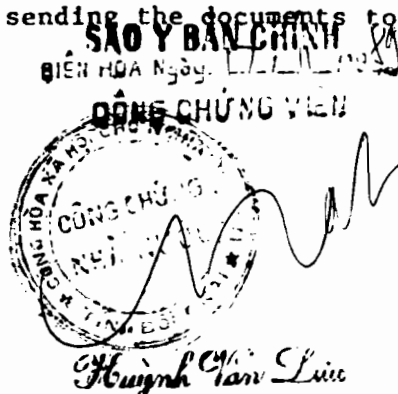
If you receive more than one IV-number for the same relatives, please notify this office immediately so that we can advise you of the correct IV number to use.

Following is a list of documents which are usually needed to complete our file. Vietnamese civil documents are available from the local authorities in Vietnam. Before we can agree to accept your relatives from Vietnam, we must have these documents.

- A copy of your birth certificate, and the birth certificates of everyone in the case, along with certified English translations.
- A copy of the marriage certificate of each person who is married (if there was a previous marriage, we will also need a death certificate or divorce decree to show the marriage was legally terminated) along with certified English translations.
- Copies of your pre-1975 and post-1975 Vietnamese ID cards, and copies of the pre-1975 and post-1975 Vietnamese ID cards of each person. If either of these ID cards is not available, please inform us of the reason.
- A photo of each person, if available.
- An affidavit of support (Form I-134, the 1980 or 1982 revised version) with supporting documents, such as letters from your employer and bank. Note that one I-134 must be completed for each relative in Vietnam. Also, an I-134 must be submitted even if you are unemployed or are unable to support the relatives coming from Vietnam. If you cannot provide an affidavit of support, other relative(s) or friend(s) must complete I-134's.
- A copy of your I-94 or I-551 ("green card"), or the number of your naturalization certificate and the date and place of issue (do not photocopy your naturalization certificate).

You should collect these documents and send them to us. If you have already submitted some of these documents, you may wish to forward copies of them again to ensure that the copies will be included in our file. Return address labels may be enclosed for your convenience in sending the documents to us.

ODP-10 (0409F: 6/85)



In addition to submitting the required documentation, you should encourage your relatives to apply for Exit Permits. We must stress the fact that even when our file is complete, it is still the decision of the Vietnamese authorities whether or not your relatives will be permitted to depart. This office has no influence over decisions by the Vietnamese authorities regarding the issuance of Exit Permits. Therefore, all efforts to obtain Exit Permits must be made by your relatives in Vietnam.

If you have not filed immigrant visa petitions for your relatives, but you are eligible to do so, or you become eligible to do so at any time before your relatives depart from Vietnam, you must file Form I-130 with the Immigration and Naturalization Service (INS).

If you are an American Citizen you can file petitions with INS for:

- your legal spouse;
- your children (and their spouses and unmarried children under 21);
- your parents (or step-parents if the relationship was established before the citizen was 18 years old);
- your brothers and sisters (and their spouses and unmarried children under 21); and
- your fiance/fiancee.

If you are a Permanent Resident Alien (a person with a Form I-551 or "green card") you can file petitions for:

- your legal spouse, and
- your unmarried sons and daughters (including those who are now divorced or widowed) and their children under 21.

Please mark each Form I-130 with its appropriate IV number. If you have any questions about immigrant visa petitions, inquire at the nearest INS office or ask the voluntary agency that resettled you.

Please inform us of any change of address or telephone number, for either you or your relatives in Vietnam, and always write the IV number (five or six digits) on your letter.

This letter is not being sent to you because we have already reviewed our file for your relatives, but rather to inform you that we have established a file for them and to tell you the IV file number. After you have submitted all the required documentation, we will then be able to complete our file. If any other information or documents are needed, we will contact you when we review the file. Please do not write to us, unless it is to report a change of address, or to tell us your relatives have obtained Exit Permits; in that case, send us the Exit Permit numbers. Due to the fact that we now have over 150,000 files in our office, it may be many months before your file comes up for review and you hear from this office again even though you have sent all documents to our office. Any correspondence with this office should be sent by registered mail or with a Return Receipt Requested form supplied by the post office if you wish acknowledgement that your letter was received by the ODP office.

Sincerely,

Orderly Departure Program
American Embassy
APO San Francisco 96346-0001

March 24, 1986

Mr. Bruce A. Beardsley
Director
Orderly Departure Program
P.O. Box 58
American Embassy
APO San Francisco 96346-0001



Re: File No. IV-207192 For Mr. Nguyen The Nhiem, a former political prisoner of the new regime in Viet-Nam, born on August 16, 1931, Head of family of eight persons;

Nguyen Thi Chinh, Oct. 12, 1931, Wife
Nguyen Toan Chi, May 30, 1958, Son
Nguyen Thi Anh Nguyet, Oct. 30, 1961, Daughter
Nguyen Viet Long, March 30, 1964, Son
Nguyen Nam Thanh, November 25, 1965, Son
Nguyen Quoc Dan, December 26, 1967, Son
Nguyen Thi Lan Anh, Sept. 02, 1969, Daughter

Address: Lo G121, Tap Doan 6, Khu 2, Xa Phu-Hoa,
Huyen Tan-Phu, Tinh Dong-Nai, Viet-Nam.

Dear Sir:

Thank you very much for your recent office's letter informing that IV-207192 mentioned above has been assigned to my parents and my siblings in Viet-Nam.

The following documents are submitted to comply with your ODP requirements:

Copy of my Vietnamese birth certificate with notarized English translation;

Copy of the Questionnaire for ODP applicants, executed by my father;

Copy of my parents' Vietnamese marriage certificate with notarized English translation;

Copy of the Vietnamese Cohabitation Certificate and copy of the Vietnamese Administrative Certificate with notarized English translations for use in substituting for the birth certificates of the my parents and my siblings, which are unavailable to me at this time;

Copies of my father's Vietnamese Certificate of Honorable discharge and Letter of Release from the Tam Hiep Reeducation Camp with notarized English translations;

Copy of my father's Vietnamese Control Card with notarized English translation for use in substituting for his pre-1975 Vietnamese Identity Card which had been confiscated by the Vietnamese authorities at the time of his arrest of 1975;

Copies of evidence of post-1975 Vietnamese Identity Cards for my mother and my siblings with notarized English translations;

Photographs for my parents and my siblings in Viet-Nam.

Please be noted that my father who was a Major of the Republic of Viet-Nam's Armed Forces and disabled person for his wound in action was arrested and had been detained by the new regime for reeducation for a total of five years, six months and 21 days.

As a result of my father's former association with the old regime's Armed Forces for over 19 years of military service, my parents and all my siblings have been considered undesirable by the new regime, politically, economically and socially.

It is requested that my parents and family's case be reviewed as soon as possible and authorized a Letter of Introduction on the basis of his loyal and long service under the old regime.

Thank you very much for your prompt consideration in this matter.

Very truly yours,

Nguyen Thi Hong
Mrs. NguyenThi Hong
2865 Mendoza #A
Costa Mesa, CA 92626
(714) 557-8952 Home
(714) 530-0360 Work

Encl: As cited

State of California

County of Orange

SS

Subscribed and sworn to before me this 26th day of Mar.1986.

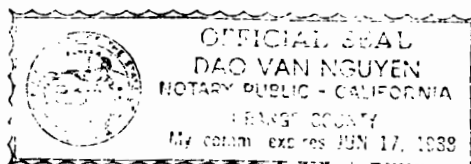
Notary Public
Notary Public

SAO Y BAN CHINH
BIEN HOA NGAY 17/3/86
ÔNG CHỦNG VIÊN

GUYEN SS	30
LUU TRANG	98
SỐ THỦ T	17
THU LỆ PH	30



Huỳnh Văn Lưu



TRÍCH-LỤC ÁN PHÒNG LỤC-SỰ TÒA

GIADINH

Ngày 11 tháng 12 năm 19 74

Số 4058/QCNT

Án thừa nhận Quốc-Gia Nghĩa-Tử
cho NGUYỄN TOÀN CHÍ
và K.

Tòa S.T. Giadinh xử về
việc hộ trong phiên nhóm tại
phòng nghị-sự ngày 11
tháng 12 năm 19 74
gồm có các Ông

Chánh-Án : Trần thanh Giang

Biện-Lý : Nguyễn Hữu Đào

Lục-Sự : Nguyễn thị Kim Hảo

đã lên bản án như sau :

BẢN ÁN

TÒA ÁN

Chiếu theo đơn của Nguyễn thế Nhiệm
xin án thừa nhận Quốc-Gia Nghĩa-Tử cho con.

BỞI CÁC LỄ ẤY

5- NGUYỄN QUỐC DÂN,
sinh ngày 26-12-1967
tại Saigon 3, ks. số
11936

6- NGUYỄN THỊ LAN ANH,
sinh ngày 02-09-1969 tại
Saigon 10, ks. số 618
tất cả là con của
Nguyễn thế Nhiệm và
Nguyễn thị Chính do hôn
thái số 37261/HT ngày 28-
10-58 và tờ sống chung
số 4855 cấp tại Bình
Định ngày 29-10-74.

truyền bản án của lên
án QGNT đối với Nguyễn
thị Hồng.

Phán rằng kể từ nay 1- NGUYỄN TOÀN CHÍ, sinh ngày 30-
05-1958 tại Bình-Hòa, ks. số 2901
2- NGUYỄN THỊ ANH NGUYỄN, sinh ngày 30-10-1961 tại
Saigon 3, ks. số 8538
được thừa nhận là Quốc-Gia Nghĩa-Tử 3- NGUYỄN VIỆT LONG, sinh
ngày 30-03-1964 tại Saigon 3, ks. số 2515
4- NGUYỄN NAM THÀNH, sinh ngày 25-11-1965 tại Saig
3, ks. số 11044

Đặt ghi đoạn phán quyết án này vào sổ khai sanh đương niên

xã Bình-Hòa, quận 3, quận 10

ở lược biên án này vào sổ khai sanh nói trên giữ lưu-trữ công-văn
nơi kể trên và Phòng Lục-Sự Tòa-Án sở tại

Đề Ngân-Kho chịu hết án phí

Án này làm, xử và tuyên tại Phòng Nghị-sự vào ngày, tháng
và năm kể trên

Ghi nhận con niêm và Trước bạ Miễn-Phí.

Ký tên

Trần thanh Giang
Nguyễn thị Kim Hảo

SAIGON, ngày 07-02-75

TRÍCH Y BẢN CHÍNH

GIADINH ngày 18 tháng 03 năm 1975
K. CHÁNH-LỤC-SỰ

muôn/6

TRICH LUC A 1 PHONG LUC SU TUA

SAO Y BẢN CHÍNH
BIÊN HÓA NGÀY 21/11/1988
CÔNG CHỨNG VIÊN



Lê Thị Châu Hoa

QUYỀN SỬ	01
LƯU TRẠNG	101
SỐ THỨ TỰ	41
THUẾ	100 đ



ỦY BAN NHÂN DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập — Tự Do — Hạnh Phúc

Mẫu HT3/P3

Xã, Thị trấn _____

Thị xã, Quận _____

Thành phố, Tỉnh _____

BẢN SAO

THE VI GIẤY KHAI SINH

Số 37850/PHU

Quyển số _____

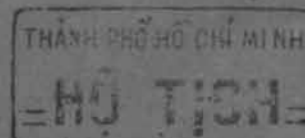
Họ và tên	NGUYỄN THỊ NHẬT AN		Nam, nữ	Nam
Sinh ngày tháng, năm	mười sáu, tháng tám, năm một nghìn chín trăm (16-8-1991)			
Nơi sinh	Vĩnh Phước Xóm,			
Khai về cha, mẹ	CHA	MẸ		
Họ, tên, tuổi (hoặc ngày, tháng, năm sinh)	NGUYỄN THỊ HIỆU	NGUYỄN THỊ LẠO		
Dân tộc				
Quốc tịch				
Nghề nghiệp				
Nơi ĐKNK thường trú				
Họ, tên, tuổi, nơi ĐKNK thường trú, số giấy chứng minh hoặc CNCC của người đứng khai	Y khố,			

NHẬN THỰC SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày 09 tháng 6 năm 1992

Đăng ký ngày 08 tháng 11 năm 1992
(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ chức vụ)

TM/UBND TP. HCM ký tên đóng dấu



ỦY BAN NHÂN DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập — Tự Do — Hạnh Phúc

Mẫu HT3/P3

Xã, Thị trấn _____

Thị xã, Quận _____

Thành phố, Tỉnh _____

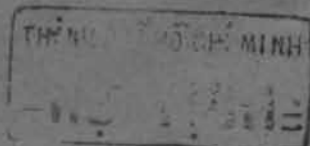
BẢN SAO

THẺ VI
GIẤY KHAI SINHSố 37146/P30

Quyển số _____

Họ và tên	NGUYỄN VĂN CHÍNH		Nam, nữ	NỮ
Sinh ngày tháng, năm	Mười một, tháng mười, năm một nghìn chín trăm lẻ một (10-10-1901)			
Nơi sinh	Vĩnh Phúc Yên			
Khai về cha, mẹ	CHA	MẸ		
Họ, tên, tuổi (hoặc ngày, tháng, năm sinh)	NGUYỄN VĂN LƯƠNG	NGUYỄN VĂN MỸ		
Dân tộc				
Quốc tịch				
Nghề nghiệp				
Nơi ĐKNK thường trú	//	//		
Họ, tên, tuổi, nơi ĐKNK thường trú, số giấy chứng minh hoặc CNCC của người đứng khai	CHÍNH VĂN, //			

NHẬN THỰC SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày 01 tháng 04 năm 1958Đã ký ngày 01 tháng 04 năm 1958
(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ chức vụ)TM/UBND TRẦN VĂN PHONG ký tên đóng dấu

Xã, Thị trấn: _____

Thị xã, Quận: _____

Thành phố, Tỉnh: HG39

BẢN SAO

THE VI GIẤY CÔNG NHẬN KẾT HÔN

Số 37261/HT

Quyển số _____

	CHỒNG	VỢ
HỌ VÀ TÊN Bí danh	NGUYỄN THỊ NHIỆM	NGUYỄN THỊ CHÍNH
Sinh ngày, tháng năm hay tuổi	mười sáu, tháng tám, năm một chín ba một (16-8-1931)	mười hai, tháng mười, năm một chín ba một (12-10-1931)
Dân tộc Quốc tịch		
Nghề nghiệp	//	//
Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú		Sài Gòn
Số giấy CM, CNCC hoặc hộ chiếu	/	/

Đăng ký, ngày 28 tháng 11 năm 1958

Người chồng ký

Người vợ ký

TM/UBND _____ Ký tên đóng dấu

(Ghi rõ họ tên, chức vụ)

NHẬN THỰC SAO Y BẢN CHÍNH

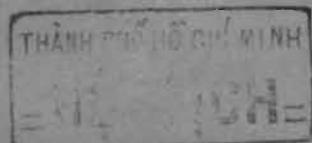
Ngày 09 tháng 6 năm 1958

TM/UBND _____ Ký tên đóng dấu

(Ghi rõ họ tên, chức vụ)



Phan Kim Thảo,



MAu HT2/P3

Số 2901
Quyển số

[illegible]

Họ và tên	NGUYỄN - VĂN - CHÍ		Nam, nữ
Sinh ngày tháng năm	Ngày 30 tháng 05 năm 1990		
Nơi sinh	Xã, Huyện Văn Hưu		
Khai về cha, mẹ	CHA	MẸ	
Họ tên tuổi (hoặc ngày, tháng, năm sinh)	Nguyễn Thế Chiên 27	Nguyễn Thị Chính 27	
Dân tộc			
Quốc tịch			
Nghề nghiệp	Đàn nhân	Đội trợ	
Nơi ĐKNK thường trú	Xã Bình Hòa		
Họ, tên, tuổi, nơi ĐKNK thường trú, số giấy chứng minh hoặc CNCC của người đứng khai	Nguyễn Thế Chiên		

Thư thư số 7 ban chính
Ngày 25/3/1988
T. 1988. của BT

Đã ký, ngày 2 tháng 6 năm 1985
TM/UBND BB ký tên, đóng dấu
(ghi rõ họ, tên, chức vụ)



QUẢN BÌNH TUYÊN
HỘ TỊCH

ĐÃ THO LỆ PHẢI

MAU HT3/P3

Xã, Thị trấn _____
Thị xã, Quận _____
Thành phố, Tỉnh _____

**BẢN SAO
GIẤY KHAI SINH**

Số
Quyển số

[illegible]

Họ và Tên	NGUYỄN THỊ ANH NGUYỄN		Nam, nữ
Sinh ngày	30 Tháng 10 Năm 1991, 10h		
tháng, năm	Saigon 445 Lê Văn Duyệt		
Nơi sinh	Saigon 445 Lê Văn Duyệt		
Khai về cha mẹ	CHA	MẸ	
Họ, tên, tuổi (hoặc	Nguyễn Thọ Hiền	Nguyễn Thị Chính	
ngày, tháng, năm sinh)	30t	30t	
Dân tộc	/	/	
Quốc tịch	/	/	
Nghề nghiệp	Quân nhân	Hội Trại (Tr)	
Nơi ĐKNK thường trú	Saigon, 463B / 7	Lê Văn Duyệt	
Họ, tên, tuổi, nơi ĐKNK	Đào Duy Chân		
thường trú, số giấy chứng			
minh hoặc CNCC của			
người đứng khai			

NHẬN THỰC SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày 25 tháng 5 năm 1988
 _____ ký tên đóng dấu

Đã ký ngày 4 tháng 11 năm 1982
(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ chức vụ)



ỦY BAN NHÂN DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập — Tự do — Hạnh phúc

Mẫu HT3/P3

Xã, Thị trấn _____
Thị xã, Quận _____
Thành phố, Tỉnh Sài Gòn

BẢN SAO
GIẤY KHAI SINH

Số 22222-2222
Quyển số _____

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

Họ và Tên	<u>NGUYỄN VIỆT LONG</u>		Nam, <u>tr</u>
Sinh ngày	<u>30 Tháng 12 năm 1964 - 1965</u>		
tháng, năm			
Nơi sinh	<u>Sài Gòn - 415 Lê Văn Duyệt</u>		
Khai về cha mẹ	CHA	MẸ	
Họ, tên, tuổi (hoặc ngày, tháng, năm sinh)	<u>Nguyễn Thế Đạt</u> <u>37</u>	<u>Nguyễn Thị Bích</u> <u>37</u>	
Dân tộc	<u>1</u>	<u>1</u>	
Quốc tịch	<u>1</u>	<u>1</u>	
Nghề nghiệp	<u>Quản nhân</u>	<u>1</u>	
Nơi ĐKNK thường trú	<u>Sài Gòn, 415/70 Lê Văn Duyệt</u>		
Họ, tên, tuổi, nơi ĐKNK thường trú, số giấy chứng minh hoặc CNCC của người đứng khai	<u>Nguyễn Thị Bích</u>		

NHẬN THỰC SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày 23 tháng 5 năm 1984
ký tên đóng dấu

Đăng ký ngày 4 tháng 4 năm 1984
(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ chức vụ)





Xã, Thị trấn _____
Thị xã, Quận _____
Thành phố, Tỉnh _____

**BẢN SAO
GIẤY KHAI SINH**

Sđ

Quyền số

[illegible]

Họ và Tên	NGUYỄN QUỐC DÂN		Nam, nữ
Sinh ngày	26 Tháng 12 năm 1967 ở 2h20'		
tháng, năm			
Nơi sinh	Saigon 443 Lê Văn Duyệt		
Khai về cha mẹ	CHA	MẸ	
Họ, tên, tuổi (hoặc	Nguyễn Thế Dân	Nguyễn Thị Bích	
ngày, tháng, năm sinh)	30T	30T	
Dân tộc	/	/	
Quốc tịch			
Nghề nghiệp	Quân nhân	Lực lượng	
Nơi ĐKNK thường trú	Saigon, 443/L/74	Lê Văn Duyệt	
Họ, tên, tuổi, nơi ĐKNK	Nguyễn Thế Dân		
thường trú, số giấy chứng			
minh hoặc CNCC của			
người đứng khai			

NHẬN THỰC SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày 23 tháng 5 năm 1988
 _____ ký tên đóng dấu

Đã ký ngày 30 tháng 12 năm 1986
(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ chức vụ)



ỦY BAN NHÂN DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập — Tự Do — Hạnh Phúc

Mẫu HT3/P3

Xã, Thị trấn Phước Hòa
Thị xã, Quận Lân Phú
Thành phố, Tỉnh Đồng Nai
☆

BẢN SAO
GIẤY KHAI SINH

Số 2321
Quyển số 02

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

Họ và Tên	<u>NGUYỄN-THỊ-LAN-ANH</u>		Năm, Nữ
Sinh ngày tháng năm	<u>02-9-1969 (ngày hai tháng chín một chín sáu chín) giờ 13 giờ.</u>		
Nơi sinh	<u>Quận 10, thành phố Hồ-Chí-Minh</u>		
Khai về cha mẹ	CHA	MẸ	
Họ, tên tuổi (hoặc ngày, tháng, năm sinh)	<u>Nguyễn-thế-Nhiệm</u> <u>1931</u>	<u>Nguyễn-thị-Chính</u> <u>1931</u>	
Dân tộc	<u>Kinh</u>	<u>Kinh</u>	
Quốc tịch	<u>Việt-Nam</u>	<u>Việt-Nam</u>	
Nghề nghiệp	<u>Làm nông</u>	<u>Làm nông</u>	
Nơi ĐKNK thường trú	<u>Tập đoàn 6, khu 2, xã Phước Hòa, huyện Lân Phú, tỉnh Đồng Nai</u>		
Họ, tên tuổi nơi ĐKNK thường trú, số giấy chứng minh hoặc CNCC của người đứng khai	<u>Nguyễn-thế-Nhiệm, Tập đoàn 6, khu 2, xã Phước Hòa, huyện Lân Phú, tỉnh Đồng Nai.</u> <u>Giấy CMND 271036958.</u>		

NHẬN THỰC SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày 1 tháng 6 năm 1988

TM. UBND: Phước Hòa - ký tên đóng dấu

Đã ký, ngày 01 tháng 6 năm 1988

(ký tên, đóng dấu ghi rõ chức vụ)

TH. ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ: PHƯỚC HÒA

CHỦ TỊCH

Đã ký và đóng dấu

Luỹ - Bá - phi



Đỗ Văn Bàng

March 26, 1985

Mr. Arthur H. Roos
Director
Joint Voluntary Agency
Orderly Departure Program
P.O. Box 58
American Embassy
APO San Francisco, California 96346

Re: Mr. Nguyen The Nhiem, born on Aug. 16, 1931,
Head of family of eight.

Address: So G 121, Tap-Doan 6, Khu II, Xa Phu-Hoa
Tan-Phu, Tinh Dong-Nai, Viet-Nam;

Dear Mr. Roos:

Enclosed is the original affidavit of relationship, executed by me on behalf of my parents, Mr. Nguyen The Nhiem and Mrs. Nguyen Thi Chinh, and my six unmarried siblings, Mr. Nguyen Toan Chi, Miss Nguyen Thi Anh Nguyet, Mr. Nguyen Viet Long, Mr. Nguyen Nam Thanh, Mr. Nguyen Quoc Dan and Miss Nguyen Thi Lan-Anh, together with a copy of my Form I-551 for application for my parents' family to enter the United States under the auspices of the U.S. Orderly Departure Program.

Would you please send to me a Letter giving the IV number and telling me which additional documents are needed?

Please be advised that my husband and I are gainfully employed in Orange County, and we are in the process of submitting our applications to file petition for naturalization to the USINS office in Los Angeles California sometime next week.

Enclosed herewith for your information is a copy of my father's letter of July 23, 1982. My father is a former Field Grade Officer under the old regime. Due to his former associations with the old regime's Armed Forces, he had spent five years, six months and 21 days at a Reeducation Camp in Viet-Nam.

Your assistance in having this case expedited will be greatly appreciated.

Very truly yours,

HONG NGUYEN *Hong Nguyen*

Ms Nguyen Thi Hong, A23-750-952

RESIDENT ALIEN
 U.S. Department of State, Immigration and Naturalization Service

NGUYEN, HONG THI

NAME: NGUYEN, HONG THI
 DOB: 051056
 A-1: 23750952
 A-2: 11 90
 A-3: 655 662 84826
 A-4: 2672 21205 01810 47156 56854
 A-5: 063078 266 051 14250 0979679

Nguyen Hong Thi

ALIEN REGISTRATION RECEIPT CARD
 PERSON IDENTIFIED BY THIS CARD IS ENTITLED TO RESIDE PERMANENTLY AND WORK IN THE U.S.

23750952	11 90	655 662 84826
A-1	A-2	A-3
2672 21205 01810 47156 56854		
A-4	A-5	A-6
063078 266 051 14250 0979679		
A-7	A-8	A-9

ORDERLY DEPARTURE PROGRAM
AFFIDAVIT OF RELATIONSHIP

to be completed by relative/friend in USA

I

YOUR NAME Nguyen Thi Hong YOUR ALIEN STATUS IS: _____
 DATE OF BIRTH May 10, 1956 U.S. CITIZEN ☐ Number: _____
 PLACE OF BIRTH Ho Chi Minh, Viet-Nam PERMANENT RESIDENT ☒ A: 23-750-952
 ADDRESS IN USA _____ REFUGEE ☐ M: _____
 DATE OF ENTRY INTO USA _____ mo. day year
Jun. /30 /1978
 FROM WHICH COUNTRY? Thailand
 TELEPHONE NO. (HOME) _____ VOLUNTARY AGENCY WITH WHICH YOU ARE NOW
 (WORK) _____ IN CONTACT USCC

II INFORMATION ON APPLICANTS IN VIETNAM

Important:

* The Principal Applicant (P.A.) is your closest relative to be considered for US entry.NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (P.A.) Nguyen Thi HongADDRESS IN VIETNAM So C 121, Tap Doan 6, Khu II, Ye Phu-Hoa, Tan Phu, Dong-Nai, VN

HAVE YOU FILED IMMIGRANT VISA PETITIONS? _____ CATEGORY? _____

DATE AND PLACE OF FILING _____

DOES P.A. HAVE VIETNAMESE EXIT PERMIT? YES _____ NO _____ NUMBER? _____

I AM THE: HUSBAND ☐ WIFE ☐ PARENT ☒ CHILD ☐ BROTHER ☐ SISTER ☐OTHER _____ OF THE PRINCIPAL APPLICANT.
(Specify)

List below the persons to be considered for admission to the United States. In the column MS (marital status) indicate married (M), divorced (D), widowed (W), or single (S).

NAME In Vietnamese Order	DATE OF BIRTH mo/da/yr	PLACE OF BIRTH	SEX	MS	RELATION TO P.A.	ADDRESS
1. Nguyen Thi Hong	05/10/56	VN	M	M	Principal Applicant	Dong-Nai, VN
2. Nguyen Thi Chinh	01/12/31	VN	F	M	Wife	Same
3. Nguyen Toan Chi	05/30/58	VN	M	S	Son	Same
4. Nguyen Thi Anh-Myet	10/30/61	VN	F	S	Daughter	Same
5. Nguyen Viet Long	03/30/64	VN	M	S	Son	Same
6. Nguyen Nam Thanh	11/25/65	VN	M	S	Son	Same
7. Nguyen Quoc Don	12/16/67	VN	M	S	Son	Same
8. Nguyen Thi Lan Anh	09/02/69	VN	F	S	Daughter	Same
9.	/ /					
10.	/ /					
11.	/ /					
12.	/ /					
13.	/ /					
14.	/ /					

THIS FORM IS FREE; IT MAY BE REPRODUCED BY ANYONE.

III

FAMILY INFO

The information below relates to you, the USA relative.

List all of your relatives requested below even if they are already listed on Page 1. Please include relatives who are already in the USA or other countries as well as those in Vietnam. We must establish your entire family. (If there is not enough room, continue on separate sheet.)

NAME	SEX (circle one)	DATE OF BIRTH mo/day/yr	COUNTRY OF BIRTH	MARRIED? (circle one)	LIVING/DEAD?	ADDRESS
A. Your husband/wife						
Hgo Da Hchie	(M/F)	08 19 50	VN	(Yes/No)	Living	Costa Mesa, CA, USA
B. Your other husbands/wives						
None	M/F			Yes/No		
	M/F			Yes/No		
C. Your children						
Hgo Thanh Thao	(M/F)	07 15 79	VN	Yes/No	Living	Same as above
Hgo Poll	(M/F)	12 09 79	USA	Yes/No	Living	Same as above
	M/F			Yes/No		
	M/F			Yes/No		
	M/F			Yes/No		
	M/F			Yes/No		
D. Your parents						
Nguyen Tho Hchie	(M/F)	08 16 31	VN	(Yes/No)	Living	Dong-Hoi, VN
Nguyen Thi Chinh	(M/F)	10 12 31	VN	(Yes/No)	Living	Same
E. Your brothers/sisters						
Nguyen Teen Chi	(M/F)	05 30 58	VN	Yes/No	Living	Same
Nguyen Thi Anh Nguyet	(M/F)	10 30 61	VN	Yes/No	Living	Same
Nguyen Viet Long	(M/F)	03 30 64	VN	Yes/No	Living	Same
Nguyen Ham Thanh	(M/F)	11 25 65	VN	Yes/No	Living	Same
Nguyen Thuc Dan	(M/F)	12 26 67	VN	Yes/No	Living	Same
Nguyen Thi Lan Anh	(M/F)	09 02 69	VN	Yes/No	Living	Same

IV A.

U.S. GOVERNMENT EMPLOYMENT

If the Principal Applicant or any accompanying relative in Vietnam was a U.S. Government employee, please complete this section.

NAME OF EMPLOYEE _____

AGENCY: EMBASSY ☐ USAID/USOM ☐ CORDS ☐ USIS ☐ USARV/MACV/DAO ☐ OTHER _____

SECTION/DIVISION/OFFICE _____

LAST POSITION: _____ LAST GRADE: _____

DURATION OF EMPLOYMENT: FROM _____ TO _____

PLACE _____ NAME OF LAST SUPERVISOR _____

REASON FOR SEPARATION _____

SECTION/DIVISION/OFFICE _____

PREVIOUS POSITION: _____ PREVIOUS GRADE: _____

DURATION OF EMPLOYMENT: FROM _____ TO _____

PLACE _____ NAME OF SUPERVISOR _____

REASON FOR SEPARATION _____

IV B.U.S. GOVERNMENT TRAINING OR SCHOOLING IN VIETNAM

Was any training or schooling provided by the U.S. Government for the Principal Applicant or any accompanying relative? YES ☐ NO ☐

FOR: (NAME) _____

	<u>DATE</u>	<u>SCHOOL</u>	<u>PLACE</u>
FROM	_____ TO _____	_____	_____
FROM	_____ TO _____	_____	_____

DESCRIBE: _____

VPRIVATE EMPLOYMENT

If the Principal Applicant or any accompanying relative worked for a U.S. company or organization, please complete this section.

NAME OF EMPLOYEE _____

JOB TITLE _____

NAME OF COMPANY or ORGANIZATION _____

SUPERVISOR'S NAME _____

PLACE _____ FROM _____ TO _____

JOB DESCRIPTION _____

EMPLOYEE NUMBER _____ BADGE NUMBER _____ PAYROLL NUMBER _____

REASON FOR SEPARATION _____

NAME OF PREVIOUS COMPANY or ORGANIZATION _____

PREVIOUS JOB TITLE _____ SUPERVISOR'S NAME _____

PLACE _____ FROM _____ TO _____

JOB DESCRIPTION _____

EMPLOYEE NUMBER _____ BADGE NUMBER _____ PAYROLL NUMBER _____

REASON FOR SEPARATION _____

VITRAINING OR SCHOOLING OUTSIDE VIETNAM

If the Principal Applicant or any accompanying relative in Vietnam was trained or educated outside Vietnam, please complete this section.

NAME OF STUDENT/TRAINEE _____ NAME OF SCHOOL _____

DESCRIPTION OF COURSES _____

PLACE _____ DEGREE/CERTIFICATE _____

WHO PAID FOR THE TRAINING? _____

DURATION OF TRAINING FROM _____ TO _____

NAME OF STUDENT/TRAINEE _____ NAME OF SCHOOL _____

DESCRIPTION OF COURSES _____

PLACE _____ DEGREE/CERTIFICATE _____

WHO PAID FOR THE TRAINING? _____

DURATION OF TRAINING FROM _____ TO _____

VIIVIETNAMESE GOVERNMENT OR MILITARY SERVICE

If the Principal Applicant or any accompanying relative worked for the Vietnamese Government or served in the Vietnamese military prior to 1975, please complete this section.

NAME OF PERSON _____

MINISTRY OR MILITARY UNIT _____ TITLE OR RANK _____

PLACE _____ FROM _____ TO _____

JOB DESCRIPTION _____

LIST ANY AWARDS, COMMENDATIONS, OR MEDALS RECEIVED FROM THE U.S. GOVERNMENT:

DID YOUR RELATIVES WORK CLOSELY WITH AMERICANS? YES ☐ NO ☐ IF YES, PLEASE DESCRIBE: _____

NAMES/RANKS OF ANY AMERICAN ADVISORS _____

VIIIRE-EDUCATION

DID THE PRINCIPAL APPLICANT OR ANY ACCOMPANYING RELATIVE SPEND TIME IN REEDUCATION? YES ☐ NO ☐

NAME _____ DURATION from _____ to _____

NAME _____ DURATION from _____ to _____

IXREMARKS

Are there any special considerations or comments that would affect your relatives' eligibility?

IF MORE SPACE IS NECESSARY FOR YOU TO ADD MORE COMPLETE INFORMATION ABOUT ANY OF THE ITEMS REQUESTED ON THIS AFFIDAVIT, PLEASE WRITE THAT INFORMATION ON A SEPARATE SHEET TO BE ATTACHED TO THE AFFIDAVIT. THIS WILL BE NECESSARY IF MORE THAN ONE FAMILY MEMBER WORKED FOR THE U.S. GOVERNMENT, A U.S. COMPANY, OR THE VIETNAMESE GOVERNMENT.

XNOTARIZATION

I swear that the above information is true. I understand that any false statement could jeopardize my immigration status in the United States.

Subscribed and sworn to me

Signature of Applicant

this 26th day of March, 19 85

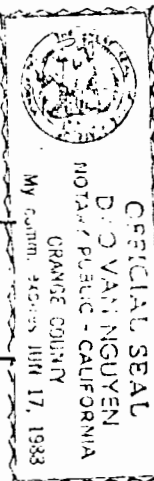
Signature of Notary

My commission expires: June 17, 1988

SEAL OF NOTARY

NOTE: If you are a refugee or Permanent Resident Alien, please attach a copy of your I-94 (refugee) or I-151/I-551 (Permanent Resident Alien) green card to the completed affidavit. Do not photocopy your Naturalization Certificate.

THIS FORM IS FREE; IT MAY BE REPRODUCED BY ANYONE.



CHỨNG CHỈ GIẢI NGŨ

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA
BỘ QUỐC-PHÒNG

JAN-LỰC VIỆT-NAM CỘNG-HÒA
BỘ TONG THAM MƯU PHONG/TQT

TRUNG TAM QUAN TRI TRUNG UONG

CHI HUY TRUONG TRUNG TAM QUAN TRI TRUNG UONG

CHỨNG NHẬN

GN/MDI/I

NGUYEN - THE - NIEM

Cấp bậc

Th. ta

Số quân

51/307.440

Sinh ngày 16.08.1931

tại

VINH-PHUC-YEN

Con Ông NGUYEN-THE-HIEU

(S.C)

và Bà

NGUYEN-THI-LAO

(S.C)

Nhập ngũ vào Quân-Lực Việt-Nam Cộng-Hòa ngày

15

tháng

08

năm

1954

Được giải-ngũ ngày

15

tháng

năm

1974

Do ND hay QP số:

018/QP/ND

09

tháng

01

năm

1974

Cửa: (Cơ-quan, Đơn-vị)

BO-QUOC-PHONG

Thấm niên quân-vụ:

19

06

tháng

08

ngày

LÝ DO GIẢI NGŨ: MDVV

CDVV 65% GGD

Địa-chỉ khai về (t-ngũ):

463B/74

LE-VAN-HUYET

SAIGON. 10

CHUOC-CHU

KBC. 42.01

ngày

10

8. 1974

-Do thay thế CHUNG THU QUAN VU

Chữ ký đương-su

(Đương su có hành kiểm soát trong

suốt thời gian tại ngũ)

KBC. 42.01

10

8. 1974

TRUNG-TAM

QUAN TRI TRUNG UONG

CHUNG THU

QUAN TRI TRUNG UONG

CHUNG THU

QUAN TRI TRUNG UONG

K.B.C. 35.23, ngày 30 tháng 07 năm 1973

WONG TÁNH UY KHUC

Qua

Thieu-Ta VO-MONG-THUY
Tieu-Doan-Truong Tieu-Doan 30/BDQ

/DĐI Thuat/60/

(/TET NAI GIA HOA

BU QUOC PHONG

BO TAI THAI HUU/QUANG

LIEN DOAN 5 BINH LONG QUAN

TIEU DOAN 30 BINH LONG QUAN

So: 1665/TĐA/ĐĐ/TTĐK.

TRICH-YEN :- V/v phục trình một Sĩ-Quan bị thương,

Tran trong kinh trình Thuong-Cap,

Ngày 18 tháng 05 năm 1966, Tieu-Doan tham du

hành quân tại Ka Phu-hu, an Thu-Duc Tinh Gia-Dinh đã gia
tranh ác liệt với công-quan. Thieu-Ta NGUYEN-THE-SHIEI số-quan

51/302 440 nguyên Đại-Đoai-Truong Đại-Đoai 4 Tieu-Doan 30 Bie-

Dong-Quan đang say ruong lửa đạn gai của công-quan nên bị
mạnh ghim vào mặt bị thương nặng, được di tản về Tong-Y Lien
Cong-Hoa điều trị càng ngày.

Su thương t... trên của Sĩ-Quan trong su
được qu... vào công-vu, Trình cầu Thuong-Cap... cầu xét và
cho Sĩ-Quan trong su được hưởng mọi quyền lợi cho phe-binh ./-

NGOI KHAN

TTQT/Trang-bu... (5ban)

Lưu chiếu ./-



QUESTIONNAIRE FOR ODP APPLICANTS
CÂU HỎI CHO NGƯỜI NỘ ĐƠN

Date: 15-08-1985
Ngày:

A. Basic Identification Data

Lịch căn-bản

1. Name
Họ, Tên : NGUYỄN - THẾ - NHIỆM
2. Other Names
Họ, Tên Khác :
3. Date/Place of Birth
Ngày/Nơi Sinh : 16-08-1931, tại Sài Gòn, Đông An, Vĩnh Phúc, VN.
4. Residence Address
Địa-chỉ Thường-trú : 106 G121, Tập Đoàn 6, Khu 2, Phú Hòa, Tân Phú,
tỉnh Đồng Nai, VN.
5. Mailing Address
Địa-chỉ Thư-tủ : MS NGUYỄN - THỊ - HỒNG, A23-750-952
6. Current Occupation
Nghề-Nghiệp :

B. Relatives To Accompany Me

Bà Con Cùng Đi Với Tôi

(NOTE: Your spouse and unmarried children are the only relatives eligible to accompany you. List marital status (MS) as follows: Married (M), Divorced (D), Widowed (W), or Single (S).)
(Chú-Y: Vợ/chồng và con cái có thể cùng đi với bạn mà thôi. Kể khai tình trạng gia-đình như sau: Đã lập gia-đình (M), đã ly dị (D), góa phụ/góa thê (W), hoặc độc-thân (S))

Name Họ, Tên	Date of Birth Ngày/Tháng/Năm Sinh	Place of Birth Nơi Sinh	Sex Phái	MS Tình Trạng Gia Đình	Relationship Liên-Hệ Gia-Đình
1. NGUYỄN THỊ CHÍNH	12-10-1934	Vietnam	F	M	vợ (wife)
2. NGUYỄN TOÀN CHI	30-05-1958	VN	M	S	Con trai (son)
3. NGUYỄN THỊ ANH NGUYỄN	30-10-1961	VN	F	S	Con gái (daughter)
4. NGUYỄN VIỆT LONG	30-03-1984	VN	M	S	Con trai (son)
5. NGUYỄN NAM THANH	25-11-1965	VN	M	S	Con trai (son)
6. NGUYỄN QUỐC DÂN	26-12-1967	VN	M	S	Con trai (son)
7. NGUYỄN THỊ LAN ANH	02-09-1969	VN	F	S	Con gái (daughter)
8.					

(NOTE: For the persons listed above, we will need legible copies of birth certificates, marriage certificates (if married), divorce decrees (if divorced), spouse's death certificate (if widowed), identification cards (if available), and photos. If any of the above accompanying relatives do not live with you, please note their addresses in Section I below.)

(CHÚ-Y: Cho mỗi người có tên trên danh sách trên, chúng tôi cần một bản khai-sinh, giá-thú (nếu lập gia-đình rồi), giấy ly hôn (nếu đã ly dị), giấy khai-tử của vợ/chồng (nếu góa phụ/góa thê), thẻ căn cước (nếu có), và hình. Nếu bà con sẽ cùng đi với bạn không chung-ngụ với bạn hiện tại, xin viết địa-chỉ của họ trong phần 1.)

C. Relatives Outside Vietnam

Họ Hàng Ở Ngoại Quốc

1. Closest Relative In the U.S.

Bà Con Thân Thuộc Nhất ở Hoa-Kỳ

- a. Name
Họ, Tên : NGUYỄN - THỊ - HỒNG
- b. Relationship
Liên-Hệ Gia-Đình : Con gái (daughter)
- c. Address
Địa-Chỉ : A23-750-952

2. Closest relatives in other foreign countries
Bà con thân thuộc nhất ở các nước khác

Họ, Tên : _____

b. Relationship
Liên-Hệ Gia-đình : _____

c. Address
Địa-Chỉ : _____

D. Complete Family Listing (Living/Dead)
Danh Sách Toàn-Thể Gia-Đình (Sống/Chết)

Name Address
Họ, Tên Địa-Chỉ

1. Father
Cha : _____
2. Mother
Mẹ : _____
3. Spouse
Vợ/Chồng: NGUYỄN-THỊ-CHÍNH, L6G121, Tập Đoàn 6, Khu 2, Phú Hòa, Tân Phú, Đồng Nai
4. Former Spouse (if any)
Vợ/Chồng Trước (nếu có): _____
5. Children
Con Cái : (1) NGUYỄN-TẤN-CHÍ, như trên (Same)
(2) NGUYỄN-THỊ-ANH-NGUYỄN, như trên
(3) NGUYỄN-VIỆT-LONG, như trên
(4) NGUYỄN-NAM-THÀNH, như trên
(5) NGUYỄN-QUỐC-ĐẮN, như trên
(6) NGUYỄN-THỊ-LAN-ANH, như trên
(7) _____
(8) _____
(9) _____
(10) _____

6. Siblings
Anh Chị Em: (1) _____
(2) _____
(3) _____
(4) _____
(5) _____
(6) _____
(7) _____
(8) _____
(9) _____
(10) _____

E. Employment by U.S. Government Agencies or Other U.S. Organizations of you or your Spouse
Bạn hoặc Vợ/Chồng đã có làm việc cho Công-sứ của Chính-phủ Mỹ hoặc Hãng Mỹ

1. Name of Person Employed:
Họ Tên Nhân-Viên: _____

2. Dates: From: To:
Ngày, Tháng, Năm Từ: 1 _____ Tối: _____
2 _____
3 _____
4 _____

G. Training Outside Vietnam of You or Your Spouse
Bạn Hoặc Vợ/Chồng Đã Huấn Luyện Ở Ngoại Quốc

1. Name of Student/Trainee:
Họ Tên Sinh-Viên/Người Được Huấn-Luyện: NGUYEN - THE - NHIEM
2. School and School Address :
Trường và Địa-Chỉ Nhà Trường : J. W. S (cơ sở trên rừng rậm) tại Mả-lai
3. Dates:
Ngày, Tháng, Năm From: 06 tháng 05 To: tháng năm 1962
Từ: To:
4. Description of Courses :
Mô-Tả Ngành Học : Chuyên thuật tác chiến rừng rậm tại Johore-Bahru - Mả-lai
5. Who paid for training? :
Ai Đã-Thọ Chương-Trình Huấn-Luyện? : MACV

(NOTE: Please attach copies of diplomas or orders, if available. Available? Yes ☐ No ☐)
(CHÚ-Y: Xin bạn kèm theo văn-bằng, hoặc chỉ-thị nếu có. Bạn có hay không? Có ☐ Không ☒)
do hồ sơ lúc đầu 30-4-1972

H. Re-education of You or Your Spouse
Bạn Hoặc Vợ/Chồng Đã Học-tập Cải-Tạo

1. Name of Person in Reeducation:
Họ Tên Người Đi Học-Tập Cải-Tạo : NGUYEN - THE - NHIEM
2. Total time in Reeducation:
Tổng-Cộng Thời Gian Học Tập Cải-Tạo: 05 years months days
nam tháng Ngày
kể từ 19-8-1975 đến 10-01-1981
3. Still in Reeducation? * Yes No
Vẫn Còn Học-Tập Cải-Tạo? * Có Không ☒

*(If released, we must have a copy of your release certificate.)

*(Nếu được thả, chúng tôi cần một bản sao giấy ra-trai.)

I. Any Additional Remarks?
Có-Chú Phụ Thuộc

- Lưu? Doc 30/PAK, KHC 3523.
- BCT/y. KHC TSN, KHC 3762.

Signature
Ký Tên :

Date

Ngày:

15-08-1985

J. Please List Here All Documents Attached to This Questionnaire
Xin Nêu Ra Tất Cả Giấy-tờ Kèm Theo với bộ Câu hỏi này

1. Phước Kiem soát qua nhân cho ra hồ sơ quyền dân (bản phóng ảnh)
2. Chứng chỉ giải ngũ (bản phóng ảnh)
3. Chứng thư hành chính (bản phóng ảnh)

Mail this form to: Orderly Departure Program Office
131 Soi Tien Siang
Sathorn Tani Road
Bangkok 10120, Thailand

3. Title of (Last) Position Held
Chức-vụ Công-Việc : 1 _____
2 _____
3 _____
4 _____

4. Agency/Company/Office
Sở/Hàng/Văn-Phòng : 1 _____
2 _____
3 _____
4 _____

5. Name of (Last) Supervisor
Tên Họ Người Giám-Thị : 1 _____
2 _____
3 _____
4 _____

6. Reason for Leaving
Lý-Do Ra Đi : 1 _____
2 _____
3 _____
4 _____

7. Training for Job in Vietnam:
Nghề-Nghiệp Huấn Luyện tại Việt-Nam: _____

8. Service with GVN or RVNAF By You Or Your Spouse
Bạn Hoặc Vợ/Chồng Đã Công-vụ với Chính-phủ Việt-Nam

1. Name of Person Serving
Họ Tên Người Tham-Gia : NGUYỄN - THẾ - NHIỆM, Áo quân 51/307.440.

2. Dates: From: _____ To: _____
Ngày, Tháng, Năm Từ : 15-08-1954 Đến : 15-02-1974 (giải ngũ
vì lý do không tích chiến trận, Miền Bắc Việt Nam
còn đường vịnh biển 65%).

3. Last Rank
Cấp-bậc Cuối-Cùng : Chiến tá Hiền đức, Bộ Tư Lệnh Biệt Khu Thủ-Đô CMĐ.
Bộ chỉ huy yêu cầu tấn công nhất (TSN/SA).

4. Ministry/Office/Military Unit
Bộ/sở/Đơn-Vị/Binh-Chúng : Biệt-Đông-Quân (Ranger).

5. Name of Supervisor/C.O.
Họ Tên Người Giám-Thị/Sĩ-Quan Chỉ-Huy : Thiếu tá NGUYỄN - NGUYỄN - LOAN; Đại tá NGUYỄN - VĂN -
GIAM; Đại tá LƯU - KIM - CƯỜNG; Chuẩn tá NGUYỄN -
PHUNG - TIẾN.

6. Reason for Leaving
Lý do Ra Đi : Đoàn-tụ gia đình.

7. Names of American Advisor(s):
Họ Tên Cố-Vấn Mỹ : Đại tá PATRICK (1966-70); Chuẩn tá PARKER (1970-74)

8. U.S. Training Courses in Vietnam:
Chương-Trình Huấn-Luyện Hoa-Kỹ Tại Việt-Nam : Sĩ-quân Biệt-Đông-Quân (Ranger Officer).

9. U.S. Awards or Certificates :
Giấy Ban-Khen Hoặc chứng-thư do Hoa-Kỹ Cấp: Do Tổng tá LB Foster cấp chung cho
cả đơn vị 52 Biệt-Đông-Quân.

NOTE: Please attach any copies of diplomas, awards or certificates, if available.
Có sao? Yes _____ No _____
CHÚ Ý: Xin bạn Kèm Theo Bất cứ Văn-Bằng, Giấy Ban-Khen, hoặc Chứng-Thư nếu có.
Nếu không có? Có _____ Không X Vì cần-lưu đến 30-04-1975.

From: NGUYỄN-THẾ-NHIỆM
Lô G 121, tập đoàn G, ấp 2,
Xã Phú-Hòa, Huyện Tân-Phu
TỈNH ĐỒNG-NAI - VIỆT-NAM

R 614 A
no 1-4



Kính Gửi: Bà Thúc-Minh-Chu

P.O. Box 5435 ARLINGTON,
VA. 22205-0635

U.S.A.



DEC 0 < 1989

1309 = K0620*

CONTROL

____ Card
____ Doc. Request; Form
____ Release Order
____ Computer
____ Form "D"
____ ODP/Date
____ Membership Letter 12/15/89

HQ Request
da vat
Computer